

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 697 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 10 - 2018
V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn;**

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Nguyễn Văn Y;**

+ Bà: **Nguyễn Thị Mỹ Lệ;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Dương Thành Chương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2018/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc: “tranh chấp ly hôn và nuôi con ”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐST-HN ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Thị Thanh L**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: ấp Tân H, xã Tân H, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Tr – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Phạm Văn T**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp Tân Th, xã Tân H, huyện CT, Tiền Giang.

(Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và Bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Võ Thị Thanh L trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn T sống chung với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây vào năm 2002. Từ khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không chí thú làm ăn, thường xuyên uống rượu say, chơi đá gà; Chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Thời gian mâu thuẫn kéo dài, chị thấy không còn tình cảm, không còn yêu thương anh T nữa; Cha mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Chị đã cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh T từ năm 2013 cho đến nay. Vào tháng 3/2018, chị đã nộp đơn ly hôn nhưng vì muốn cho anh T cơ hội sửa chữa nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên từ khi rút đơn anh T không thay đổi, cũng không đón chị và con về đoàn tụ.

Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thảo D sinh ngày 24/10/2002. Từ khi ly thân, cháu D do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T.
- Về nuôi con chung: chị Võ Thị Thanh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Phạm Thảo D.
- Về cấp dưỡng: Chị L cho rằng hiện nay chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng.
- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Văn T trình bày:**

Anh và Võ Thị Thanh L cưới và sống chung với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lý T. Vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L không đồng ý sống chung nhà với cha mẹ anh, đòi ra cát nhà ở riêng. Anh cũng đồng ý nhưng do anh bệnh chưa cát nhà riêng được. Từ đó, chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột và không còn sống chung với anh nữa. Anh có ý kiến đối với yêu cầu của chị Võ Thị Thanh L như sau:

- Về hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Thanh L;
- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung đúng như chị L trình bày. Vì anh không đồng ý ly hôn, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:**

Chị Võ Thị Thanh L và anh Phạm Văn T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình sống chung, chị L cho rằng không hạnh phúc, chị phải chịu đựng quá nhiều vì anh T không quan tâm lo lắng cho vợ con, thường xuyên ăn nhậu, đá gà, thậm chí còn đánh đập chị (có xác nhận của Hội phụ nữ xã Tân Hương). Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Về hôn nhân: cho chị Võ Thị Thanh L ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cho chị Võ Thị Thanh L trực tiếp nuôi con chung Phạm Thảo D.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thanh L: Cho chị Võ Thị Thanh L và anh Phạm Văn T ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Phạm Thảo D, đề nghị giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị Thanh L yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con .

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn Phạm Văn T đã được Tòa án Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Võ Thị Thanh L và anh Phạm Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2002 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Võ Thị Thanh L về thời điểm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung được anh Phạm Văn T thừa nhận là đúng. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung : anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị L đã một lần rút đơn xin ly hôn để tạo điều kiện cho anh T sửa chữa, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không thực hiện được. Chị L cung cấp chứng cứ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên nhậu say, tham gia đá gà, không lo làm ăn, không lo lắng chăm sóc vợ con khiến cho đời sống hôn nhân không hạnh phúc đã được Hội liên hiệp phụ nữ xã Tân Hương xác nhận. Anh T thừa nhận có lần do tức giận anh đã dùng dây nịch đánh chị L. Chị L trình bày chị đã chịu đựng hết sức mong anh T sửa chữa để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đoàn tụ được. Anh T cũng cho rằng, trong thời gian anh bị bệnh phải điều trị nhưng chị L cương quyết bỏ đi. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị L và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đã hơn sáu tháng. Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh T không tham gia hòa giải, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh L.

Xét ý kiến của anh Phạm Văn T: anh không đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Thanh L. Tuy nhiên anh T không cung cấp chứng cứ phản bác ý kiến của chị L, không có thiện chí gặp chị L để hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh T.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Phạm Thảo D chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Võ Thị Thanh L yêu cầu được

trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, chị L có đủ điều kiện về đạo đức, sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con; Từ khi chị và anh T không còn sống chung, cháu D do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định. Nguyên vọng của cháu mong muốn chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không có ý kiến về việc nuôi con chung. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Võ Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] **Về cấp dưỡng:** chị Võ Thị Thanh L trình bày hiện tại chị đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[7] **Về nợ chung:** Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[8] **Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[9] **Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn** là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[10] **Về án phí:** Chị Võ Thị Thanh L phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thanh L.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Võ Thị Thanh L ly hôn với anh Phạm Văn T.

- **Về nuôi con chung:** Giao cháu Phạm Thảo D cho chị Võ Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** không xem xét.

- **Tài sản chung:** không xem xét.

- **Về nợ chung:** Không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Võ Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Võ Thị Thanh L đã nộp theo biên lai thu số 0008495 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

- **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Tân Lý T;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Nhàn